TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST Ngày 23 tháng 7 năm 2020 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Tuyền - Ông Lâm Văn Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1991 Nơi Đăng ký HKTT: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hiện đang cư trú: ấp 2, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trịnh Huy T, sinh năm: 1987. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt lần thứ 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày như sau: Vào năm 2009, sau khi tìm hiểu thì chị N với anh Trịnh Huy T thống nhất đi đến hôn nhân và sau đó đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/8/2011, sau đó vợ chồng chị N, anh T sống bên gia đình anh T tại địa chỉ ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chị N, anh T sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 12/9/2010. Sau đó phát sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, mặt dù đã nhiều lần hàn gắn, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên đến năm 2019 thì chị N về

nhà cha, mẹ ruột ở thị xã H sinh sống cho đến nay, trong thời gian không còn sống chung, anh chị không gặp lại để hàn gắn tình cảm.

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, Chị N yêu cầu được ly hôn với anh T, vì tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung, theo chị N là từ khi chị không còn sống chung với anh T đến nay thì con chung Trịnh Minh T, sinh ngày 12/9/2010 sống với anh T, nên nay chị N thống nhất giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Trịnh Huy T: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử lần thứ 02 anh T đều không có mặt và không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

***- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:*

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 12/9/2010 (Hiện đang sống với anh T); Về cấp dưỡng: Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa yêu cầu. Trường hợp có tranh chấp về cấp dưỡng thì sẽ giải quyết thành một vụ án khác; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Trịnh Huy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Trịnh Huy T là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở sự tự nguyện tìm hiểu về hôn nhân của chị Lê Thị N, anh Trịnh Huy T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh

Đồng Tháp vào ngày 03 tháng 8 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị N với anh Trịnh Huy T là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc và sinh được 01 người con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 12/9/2010, kể từ sau khi đăng ký kết hôn năm 2011 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hợp (Do không tin tưởng nhau) và bắt đầu không còn sống chung kể từ năm 2019 đến nay. Nay chị N khởi kiện xin được ly hôn với anh T, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử, xét thấy: Mặc dù không có mặt anh T, nhưng Tòa án đã có tổ chức hòa giải đoàn tụ, nhưng anh T không đến tham gia hòa giải theo yêu cầu của Tòa án, điều này thể hiện anh T không còn tình cảm với chị N và chị N kiên quyết ly hôn, đều đó chứng tỏ chị N đã không còn tình cảm vợ chồng với anh T, nên việc chị N xin ly hôn là có cơ sở. Từ đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị N với anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị N trình bày từ khi không còn sống chung đến nay cháu Trịnh Minh T sống với anh T và chị N thống nhất giao cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là trách nhiệm của cha mẹ, nay mặc dù không có ý kiến của anh T, nhưng với sự tự nguyện của chị N và nguyện vọng của cháu T được tiếp tục sống với anh T (Lời khai của cháu T tại biên bản ngày 27/5/2020) là phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 12/9/2010 (Hiện đang sống với anh T).

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có ý kiến của anh T, chị N thì không tự nguyện cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về tài sản, nợ chung: Chị N cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/ 0001116 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Trịnh Huy T.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N và nguyện vọng của cháu Trịnh Minh T. Giao cho anh Trịnh Huy T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 12/9/2010 (Hiện đang sống với anh T). Chị Lê Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không có ý kiến của anh Trịnh Huy T, chị Lê Thị N thì không tự nguyện cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Lê Thị N cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0001116 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Anh Trịnh Huy T không phải chịu án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo Bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Chí Thức